

Thiên Thủ Thiên Nhãn có ý nghĩa gì ?

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng

"*Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh*" là tên gọi đầy đủ của bộ kinh gọi tắt là "*Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh*." Trong đó, "*Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni*" là tên riêng (biệt danh), và "*Kinh*" là tên chung (thông danh).

Vì sao gọi là tên riêng ? Bởi vì chỉ riêng bộ kinh này được gọi bằng tên ấy mà thôi, các kinh điển khác đều không được mang trùng tên. Ngoài ra, vì các sách ghi chép lời thuyết giảng của Đức Phật đều được gọi là kinh, cho nên chữ "*Kinh*" được xem là tên chung.

Bộ kinh này lấy gì để lập danh ? Lấy đầy đủ cả "*Nhãn, Pháp, Dụ*" để lập danh. "*Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát*" là Nhãn (người); "*Quảng Đại Viên Mân Vô Ngại*" và "*Đại Bi Tâm*" là Dụ (tỷ dụ); "*Đà La Ni*" là Pháp. "*Đà La Ni*" là tiếng Phạn; Trung Hoa dịch là "*Tổng Trì*." Vậy, tên của bộ kinh này có đủ **Nhãn, Pháp, Dụ**.

Trước hết xin giảng về từ ngữ "*Thiên Thủ Thiên Nhãn*" (ngàn tay ngàn mắt). Làm sao lại có ngàn tay, ngàn mắt ? Đó là hiện tướng oai đức thần thông, được lưu xuất từ chỗ chứng đắc của sự trì niệm Chú Đại Bi.

Chúng ta không nên xem việc tu niệm Chú Đại Bi là quá dễ dàng, đơn giản ! Chú Đại Bi này cần phải có thiện căn sâu dày từ nhiều đời trước mới có thể gặp được. Nếu không có thiện căn thuộc loại thâm hậu từ đời trước thì chưa nói đến tụng niệm Chú Đại Bi, mà chỉ muốn nghe thấy ba chữ "*Chú Đại Bi*" cũng khó có cơ hội; cho đến tên gọi cũng khó được nghe tới, huống hồ là thấy ! Bây giờ, chúng ta không những được thấy mà còn có thể trì tụng nữa, đó là việc hết sức hy hữu; có thể nói là "*trăm ngàn vạn kiếp khó tìm gặp*" - dù trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp cũng khó mà gặp được vậy. Hiện chúng ta

nhờ có thiện căn chín muồi ở đời trước nên mới được nghe đến ba chữ "*Chú Đại Bi*," mới được tham học, trì tụng chương cú thần diệu của Chú Đại Bi, và mới có thể thuộc được Chú Đại Bi. Đó là do có thiện căn, có chủng tử khó nghĩ bần từ đời trước nên nay mới được như thế.

phải biết đó là điều khó tìm khó gặp ! Không dễ gì mà gặp được Chú Đại Bi, nay gặp được rồi thì phải thật sự khắc cốt ghi tâm, chớ nên xem nhẹ mà thờ ơ bỏ qua !

Lần này, quý vị được nghe giảng bộ **Kinh Đại Bi Đà La Ni**, âu cũng là một cơ duyên bất khả tư nghị. Số là mấy tháng trước, lúc bộ Kinh Kim Cang sắp được giảng xong, thì các vị hộ pháp của Phật Giáo Giảng Đường là Quả Địa, Quả Ninh và Quả Tiên ngồi ý muốn được nghe giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni.

Vì sao họ muốn tìm hiểu bộ Kinh này ? Bắt đầu từ năm ngoái, ở Phật Giáo Giảng Đường này mỗi tuần đều có dạy pháp môn bí mật Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn. Pháp môn này không chỉ là bí mật mà vốn từ trước đến nay tôi chưa hề truyền dạy cho ai cả. Song, sang đến Mỹ quốc, tôi nghĩ là cần đem pháp môn bí mật bất truyền này truyền dạy cho quý vị, những người Mỹ có thiện căn.

Vì vậy, kể từ năm ngoái, tôi bắt đầu dạy **Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn**, một pháp môn vi diệu bất khả tư nghị. Tuy nhiên, tôi chẳng hề đến bất cứ nơi nào rêu rao : "*Này, tôi có mật pháp nhưng chẳng truyền cho ông đâu !*" Mặc dù là pháp bí mật, song tôi vẫn đem truyền bá. Truyền cho những ai ? Tất nhiên tôi phải "*chọn mặt gửi vàng*," chỉ truyền cho những người có đại thiện căn, có quy y Tam Bảo và thâm tín Phật Pháp.

Sau khi tôi truyền xong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn thì có mấy vị sanh lòng khát ngưỡng đối với bộ **Kinh Đại Bi Đà La Ni**, muốn hiểu rõ kinh nghĩa của Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn này. Cho nên, do cự sĩ Quả Địa khởi xướng, mọi người mời tôi giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni. Lúc ấy, tôi thấy khó mà từ khước trước lòng thành của nhóm Phật tử này, nên đã bằng lòng nhận giảng Kinh Đà La Ni. Nhưng giảng xong Kinh



Vì vậy, hôm nay chúng ta, những người đến nghe *Chú Đại Bi*, đều là những người có thiện căn. Quý vị thử nghĩ xem : Trên thế giới này có bao nhiêu người chưa từng được nghe đến tên Chú Đại Bi ? Trọn cả thành phố Cựu Kim Sơn này có thể có trên năm trăm người được nghe tên Chú Đại Bi chăng ? Tôi tin là không ! Thành phố Cựu Kim Sơn có được bao nhiêu cư dân ? Quý vị cứ theo đó mà tính thì có thể suy ra số người có thiện căn trên thế giới là bao nhiêu. Cho nên, nay chúng ta được nghe đến danh hiệu của Chú Đại Bi thì mỗi người phải sanh tâm hoan hỷ, vui mừng, phải trân quý và

Kim Cang thì lại tiếp tục giảng Tâm Kinh. Tâm Kinh tuy là hai trăm mươi chục chữ nhưng giảng xong cũng mất hết 2, 3 tháng. Thật ra trong hai, ba tháng ấy tôi chỉ giảng vào ngày Chủ nhật mà thôi, chứ không phải là ngày nào cũng giảng.

Đây là một bộ Kinh có thể nói là hầu hết quý vị chưa từng được nghe qua; và chẳng riêng gì quý vị mà ngay cả người Trung Hoa cũng vậy, số người được nghe đến bộ Kinh này cũng rất ít. Người Trung Hoa mà đã được nghe, rồi có thể giảng giải nghĩa lý của Kinh một cách tường tận cũng là không dễ, cũng là hy hữu vậy !

Vì vậy, bây giờ tôi đem bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni này giảng cho quý vị nghe thì mỗi người, trước hết, phải quét sạch tất cả những "rác rưởi" trong đầu óc của mình. Đừng khởi nhiều vọng tưởng, đừng quá nặng lòng tham, chớ sanh tâm sân hận và cũng chớ quá si mê. Phải quét sạch những rác rưởi tham sân si trước; đó cũng chính là quét dọn sạch sẽ tất cả những đồ "xú uế" trong mỗi người. Phải thu dọn và quét sạch mọi thứ bất tịnh trong chính mình ra ngoài, để sau đó có thể chứa đựng nước cam lồ pháp vị. Bây giờ quý vị mới có thể thanh tịnh mà chứng đắc pháp lực của pháp môn này. Đây là điều tối trọng yếu, quý vị cần lưu tâm !

Bây giờ giảng về từ ngữ "**Thiên Thủ Thiên Nhãm** (ngàn tay, ngàn mắt)."'

Có người nói rằng : "**Phải tu pháp Đại Bi Đà La Ni thì mới đạt được ngàn tay ngàn mắt; thế nhưng "ngàn tay ngàn mắt" này dùng để làm gì ?**" Và còn cho rằng : "**Chúng ta mỗi người có được hai tay, hai mắt là đã tốt quá rồi. Hai tay có thể giúp ta cầm nắm đồ vật, hai mắt cho ta nhìn thấy mọi điều; thế thì còn muốn có nhiều mắt, nhiều tay như vậy để làm gì ? Xét ra, hiện chúng ta đang ở vào thời đại khoa học, nhiều tay nhiều mắt đến thế cũng chẳng ích lợi gì !**" Vậy, nếu quý vị chê nhiều thì khỏi cần tu pháp Đại Bi !

Bây giờ tôi giải thích từ ngữ "**Thiên Nhãm** (ngàn mắt)" trước. Quý vị đều có hai con mắt, và quý vị phải mở mắt ra nhìn thì mới thấy được sự vật, nếu nhắm hai con mắt này lại thì không còn trông thấy gì nữa. Tuy nhiên, nếu quý vị có một ngàn con mắt thì có thể khiến chúng thay phiên nhau làm việc cho con mắt này nhắm lại để nghỉ ngơi, mở con mắt kia ra để nhìn ngó; quý vị thấy có vi diệu không nào ?

"**Ngàn mắt**" này được gọi là "**thiên nhãn chiếu kiến**" (*ngàn mắt chiếu soi*). Con mắt phàm của chúng ta chỉ có thể nhìn thấy trong phạm vi mươi hoặc hai mươi dặm; nếu quý vị dùng kính viễn vọng thì có thể thấy xa tới khoảng một trăm dặm, còn xa hơn nữa thì e rằng không đủ khả năng. Nếu quý vị có được một ngàn con mắt thì thế nào ? Trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm, tận hư không, khắp Pháp Giới vô số vô biên hành tinh và hệ ngân hà quý vị đều có thể thấy rõ. Bấy giờ, không cần xem vô tuyến truyền hình mà quý vị vẫn có thể biết được : "**Ồ ! Hai phi hành gia đang đi trên mặt trăng !!**" Quý vị thấy có vi diệu hay không ? Hiện tại quý vị phải nhờ vào ti-vi mới có thể thấy được con người đặt chân lên nguyệt cầu; nhưng nếu quý vị có ngàn mắt thì khỏi phải dùng ti-vi mà vẫn thấy được rõ ràng. Chẳng những khỏi cần ti-vi mà quý vị còn khỏi cần trang bị ăng-ten hay hệ thống ra-đa, và cũng chẳng phải trả tiền nữa bớt được bao nhiêu là rắc rối ! Quý vị bảo rằng có một ngàn con mắt là không tốt ư ? Bây giờ quý vị biết đó là điều tốt rồi chứ ?

Chẳng những thế, với ngàn con mắt này, quý vị có thể từ phía trước thấy được phía sau, từ đằng sau trông rõ đằng trước. **Hu Văn Lao Hòa**

Thương có câu thơ rằng :

Não hâu kiến tai kình diều tú,

Đỉnh mòn cụ nhãm tróc phi hùng.

(Sau đầu thấy má : chụp diều hâu,

Cửa đỉnh đú mắt : tóm gấu bay.)

Chúng ta vốn không thể nào thấy được mặt mũi của chính mình; tuy nhiên, nếu quý vị có ngàn mắt thì ở phía sau có thể nhìn thấy phía trước, ở phía trước cũng có thể nhìn thấy phía sau có thể thấy được bắn lai điện mục của chính mình. Bây giờ, quý vị cũng có thể thấy được những gì ở trong bụng mình, biết được trong đó có bao nhiêu con trùng chết, trùng lười biếng... Từ bên ngoài quý vị có thể thấy rõ bên trong và từ phía trong quý vị có thể thấy rõ phía ngoài, giống như nhìn xuyên qua bức tường bằng pha-lê hay thủy tinh vậy. Bụng quý vị lúc ấy tựa như pha-lê lóng lánh, trong suốt, không còn có sự ngăn cách giữa trong và ngoài. Nhờ đó, quý vị có thể thấy được tim mình hình thù như thế nào, bung mình muốn nói điều gì, và cũng biết được mọi ý tưởng cũng như mọi hoạt động của các machines các cơ quan trong cơ thể mình. Thế nào, bây giờ quý vị có muốn có ngàn mắt không ?

Quý vị có còn cho rằng có hai con mắt là đủ rồi nữa không ? Tôi e rằng bây giờ quý vị cũng nhận thấy như thế là chưa đủ. Ngàn mắt có nhiều diệu dụng như vậy đấy !

Còn "**Thiên Thủ** (*ngàn tay*)" thì sao ? Tay dùng để cầm nắm đồ vật. Không cần nói đâu xa, bây giờ chúng ta hãy lấy việc cầm tiền làm thí dụ. Quý vị có hai tay, mỗi tay có thể cầm được mươi ngàn đồng chặng hạn; vậy nếu tôi có một ngàn tay thì tôi có thể cầm được mươi triệu đồng. Quý vị không thể nào một lúc mà cầm được nhiều tiền như tôi, quý vị thấy có kỳ diệu không chứ ? Hoặc lấy một thí dụ khác, như chia táo chảng hạn. Quý vị cứ tha hồ, lấy được bao nhiêu quả táo thì lấy. Tất nhiên, nếu quý vị có một ngàn tay thì lấy được một ngàn trái táo, có hai tay thì chỉ lấy được hai trái. Quý vị xem, như vậy có hữu dụng không chứ ? Tuy nhiên, ngàn tay này chẳng phải để dùng vào chuyện vặt vãnh, tầm thường, cũng chẳng phải dùng để tranh ăn như trò chơi của trẻ con.

Công năng của ngàn tay là cứu người. Thí dụ có một ngàn người bị té xuống biển, quý vị có hai tay thì tay này kéo một người, tay kia lôi một người, tức là chỉ có thể cứu được hai người mà thôi. Nếu quý vị có được một ngàn tay thì chỉ việc đưa luôn một ngàn cánh tay xuống biển là vớt được cả một ngàn người suýt bị chết đuối ấy lên bờ. Quý vị thắc mắc là một ngàn cánh tay này dùng để làm gì ư ? Để cứu người đấy ! Cho nên nói :

"Thiên Nhãm chiếu kiến, Thiên Nhĩ diều văn, Thiên Thủ hộ trì."

(*Ngàn mắt chiếu soi, Ngàn tai lắng nghe, Ngàn tay cứu giúp.*)

Ngàn tay là để hộ trì tất cả chúng sanh nếu như một chúng sanh có khổ nạn gì thì quý vị chỉ cần duỗi một cánh tay ra là cứu được chúng sanh ấy thoát vòng khổ ải. Nếu chỉ có hai tay thì quý vị không thể cứu độ được nhiều người. Cho nên Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có ngàn tay ngàn mắt là để cứu hộ tất cả chúng sanh, chứ không phải có ngàn tay ngàn mắt để đi ăn trộm. Quý vị cần phải hiểu rõ điểm này ! Không được khoác lác rằng mình có một ngàn cánh tay để hái trộm một ngàn trái táo !

Ngàn tay và ngàn mắt này rốt ráo là từ đâu đến ? Vừa rồi tôi chẳng bảo đó là từ **Chú Đại Bi** sanh xuất ra hay sao ? Quý vị chỉ cần tụng **Chú Đại Bi**, và tu **Đại Bi Pháp** của Bốn Mươi Hai Thủ Nhãm là được. Thủ Nhãm

cuối cùng trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãns có tên là **Tổng Nhiếp Thiên Tý Thủ**. Hễ quý vị tụng câu chú của Thủ Nhãns này một biến, thì quý vị sẽ có thêm bốn mươi hai cánh tay. Tụng một biến thì có được bốn mươi hai cánh tay; tụng mươi biến thì được 420 tay; tụng một trăm biến thì được 4.200 tay. Nếu quý vị tụng một ngàn biến thì sẽ có được 42.000 cánh tay, và cũng có luôn cả 42.000 con mắt. Vấn đề là quý vị có chịu khó tu tập hay không mà thôi ! Bởi, Thiên Thủ Thiên Nhãns không phải chỉ trong một sớm một chiều mà thành tựu được. Quý vị tu pháp môn này, nếu ngày ngày đều miệt mài dụng công không hề gián đoạn, ngày ngày đều y Pháp tu hành, thì sẽ thành tựu được thứ diệu dụng bất khả tư nghị. Tuy nhiên, nếu quý vị hôm nay tu, ngày mai nghỉ, thì sẽ chẳng có tác dụng gì cả ! Muốn lấy được bằng cấp tiến sĩ của thế gian, thì từ lúc khởi sự học hành cho đến khi thành đạt cũng phải mất khoảng mươi bốn, mươi lăm năm công phu đèn sách; huống hồ là tu học Phật Pháp ? Học Phật Pháp, nếu quý vị không thật sự dụng công hành trì thì chẳng thể nào có sự thành tựu được !

Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát tinh tấn nhất, siêng năng nhất, và không hề muốn nghỉ ngơi. Ngài sẵn lòng suốt ngày cứu độ chúng sanh, chẳng nề hà công việc nhiều vất vả, cung chǎng quản ngại chúng sanh lầm khổ nạn; cho nên có thể nói rằng Ngài là vị Bồ Tát bận rộn nhất. Ngài không phải là một vị Bồ Tát lười biếng, thích nghỉ ngơi nhàn nhã, mà là một vị Bồ Tát chăm chỉ, cần mẫn nhất. Bởi một cánh tay thì cứu được

quá ít người, hai cánh tay thì số người cứu được cũng còn giới hạn; do đó, Ngài muốn có ngàn tay ngàn mắt một ngàn cánh tay để cứu vớt và một ngàn con mắt để chiếu cố tất cả chúng sanh trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Các chúng sanh mà Ngài chiếu cố đều là những chúng sanh gánh chịu nhiều đau khổ, và các chúng sanh mà Ngài cứu độ là những chúng sanh gặp phải tai ương, hoạn nạn.

Chữ "**Quán**" trong "**Quán Thế Âm Bồ Tát**" có nghĩa là quán sát, theo dõi. Quán sát cái gì ? Quán sát thế giới này. Quán sát cái gì ở thế giới này ? Quán sát âm thanh của thế giới này. "**Quán**" chính là trí huệ nâng quán, tức là chủ thể trí huệ quán sát. "**The**" là cảnh giới sở quán đối tượng, cảnh giới được quán sát và đó chính là tất cả chúng sanh trong thế giới này.

Chúng sanh lúc khốn khổ gian nan thì thường nghĩ đến ai ? Nghĩ đến người cha đại từ bi, nghĩ đến người mẹ đại từ bi. Người cha đại từ bi ấy là ai ? Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm. Người mẹ đại từ bi ấy là ai ? Cũng chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhớ nghĩ đến Ngài rồi thì sao ? Họ liền niệm "**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát...**" Họ vừa niệm "**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát,**" thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền dùng ngàn mắt trí huệ để nhìn, dùng tai trí huệ để lắng nghe, rồi dùng tay trí huệ để cứu vớt họ.

Chúng sanh có tai nạn khổ ách không phải lúc nào cũng lẻ tẻ, lẩn lướt từng người một. Nếu trăm ngàn

vạn ức chúng sanh đồng thời lâm nạn, tức là sẽ có trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời cầu cứu, xung niêm "**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát**"; thì Đức Quán Thế Âm sẽ đồng thời cứu vớt và tất cả đều sẽ đồng thời được giải thoát, đồng thời được an vui. Vì thế, Bồ Tát Quán Thế Âm được gọi là "**Thiên Thủ Thiên Nhãns Quán Thế Âm Bồ Tát**."

Bồ Tát luôn cứu giúp con người. Nếu quý vị cứu giúp con người, quý vị chính là Bồ tát; nếu tôi cứu giúp con người, tôi cũng là Bồ tát. Nếu quý vị không cứu giúp con người thì quý vị chính là la-sát; và nếu tôi không cứu giúp con người, tôi cũng là la-sát. Quý la-sát và Bồ Tát Quán Thế Âm mới nhìn dung mạo bề ngoài tưởng chừng như không khác nhau là bao, nhưng sự thật lại hoàn toàn tương phản ! La-sát quý nữ rất xinh đẹp, song cũng rất ích kỷ, chỉ biết mưu lợi cho mình mà thôi. Điểm khác biệt chính là một bên thì chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người; còn một bên thì chỉ biết lợi người mà không màng đến lợi mình. Cho nên, tướng mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát rất viên mãn, dung mạo của **La-sát nữ** cũng chẳng kém ai, nhưng do tâm địa bất đồng, một niệm sai biệt, mà thành ra khác nhau vậy !

Thế nên, nếu quý vị muốn học Quán Thế Âm Bồ Tát thì quý vị phải đi cứu người giúp đời, lợi ích quần sanh. Có người nói : "*Tôi không có khả năng gì cả thứ nhất, tôi không có tiền; thứ hai, tôi không biết thuyết giảng Phật pháp, không khéo ăn nói. Vậy thì tôi làm sao mang lại lợi ích cho nhân loại được ?*"

Tôi bảo cho quý vị biết : Quý vị có "**Miệng từ bi, lưỡi phuơng tiện.**" "*Miệng từ bi*" tức là có lòng nhân từ, không chưởi mắng người khác. "*Lưỡi phuơng tiện*" tức là dùng lưỡi của mình làm phuơng tiện, chứ không phải để nói chuyện thị phi. Ví như có xảy ra sự xích mích gì đó, mà quý vị, bằng phuơng tiện quyền xảo giảng nói, làm cho đôi bên được hòa giải, hoặc bằng lời lẽ khéo léo mà hóa giải được các tranh chấp trên thế gian, dập tắt được hiểm họa chiến tranh thế giới đó là quý vị dùng "*lưỡi phuơng tiện*" vậy. Có câu :

"Miệng từ bi, lưỡi phuơng tiện,

Có tiền, không tiền đều tạo đức được."

Có tiền hay không có tiền đều có thể tạo được công đức như nhau. Đương nhiên có tiền thì cũng có tốt hơn đôi chút, nhưng nếu quý vị



Chư Tôn Đức Tăng Ni dự lễ Khai Mạc Đại Hội Khoáng Đại GHPGVNTN Hải Ngoại tại Canada ngày 14/07/2012 tại chùa Pháp Vân - Toronto.

không có tiền thì bất tất phải lo buồn, cũng chẳng nên nghĩ : "Tôi nghèo quá, làm sao làm việc phước đức được?" Làm việc công đức cốt là để cho quý vị nuôi dưỡng lòng hảo tâm, biết làm việc từ thiện, và làm một con người tốt.

Thuở trước, có một người nọ trì tụng Chú Đại Bi đã được khoảng mươi hai năm. Trong suốt mươi hai năm ấy, ông chẳng gặp chuyện gì gọi là kỳ diệu nhiệm mầu cả Chú Đại Bi chẳng biến ra cơm cho ông ăn, cũng chẳng làm ra áo quần cho ông mặc thế nhưng, ông vẫn tin tưởng và chăm chỉ, đều đặn trì tụng Chú Đại Bi. Mỗi ngày ông tụng tối thiểu là 108 biến, mà thông thường là nhiều hơn thế.

Một lần nọ, ông đi chơi xa và phải ngủ qua đêm ở nhà trọ. Tại Trung Hoa, ở một vài địa phương có loại quán trọ gọi là "**hắc điểm**." Hắc điểm là gì ? Đó là một thứ nhà trọ trái hình của bợn cướp. Bợn cướp này cũng tương tự như thổ phỉ vậy; có điều, thổ phỉ thì ra chặn đường người ta mà cướp bóc, giết hại, còn chúng thì ở trong nhà chờ đợi. Khi có khách tới quán của chúng tá túc, thấy khách mang theo tiền của, hoặc đeo nhiều vàng bạc châu báu, ra vẻ khách buôn giàu có, thì chúng liền đưa khách đến một căn phòng nhỏ khá tươm tất và có cửa riêng để chúng có thể ra vào dễ dàng. Sau đó, chúng lén bỏ thuốc mê trong rượu cho khách uống và đến khuya, thưa cơ khách ngủ mê mệt, chúng lén vào đoạt hết tiền bạc, đôi khi còn giết người luôn nữa.

Người trì tụng Chú Đại Bi này ở trọ trong hắc điểm cũng được mời uống thử rượu có bỏ thuốc mê, nhưng vì thâm tín Phật Pháp nên ông không uống rượu; do đó không bị trúng thuốc mê. Đến nửa đêm, đang ngủ ông chợt nghe có tiếng chân người tiến vào phòng mình. Ông hé mắt nhìn ra, liền thấy bóng một lưỡi dao sáng loáng, ông sợ đến cứng cả người, tự nhủ : "**Người này cầm dao đến hẳn là để giết mình đây !**"

Ngay lúc đó, bên ngoài bỗng có tiếng đập cửa. Chủ quán kẽ âm mưu giết người giật mình giấu vội con dao, lén ra khỏi phòng, rồi hỏi vọng ra : "Ai đó ? Ai gọi cửa đó ?"

Người ngoài cửa đáp : "Tôi đây ! Tôi họ Đậu, tên Du Bằng. Tôi có một người bạn ở trọ trong quán ông. Ông ấy tên là... Nhờ ông nhắn lại là tôi mời ông ấy sáng mai đến nhà tôi ăn điểm tâm nhé !"

Chủ quán mở hé cửa nhìn theo thì thấy một người đàn ông trang phục giống như cảnh sát, liền nghĩ : "Thì ra viên cảnh sát này có quen biết với người mà mình định giết. Ông ta là bạn của cảnh sát ! Cảnh sát đến mời ông ấy sáng mai đi ăn điểm tâm !" Vì thế, đêm ấy gã chủ quán không dám ra tay giết người.

Sáng hôm sau, chủ quán nói với ông khách trọ (chuyên trì Chú Đại Bi) : "Ông có người bạn tên **Đậu Du Bằng**

đến tìm tôi qua. Lúc đó đã khuya lắm rồi, mà ông cũng đã đi ngủ nên ông ấy không muốn đánh thức ông dậy. Ông ấy muốn mời ông hôm nay đến nhà ông ấy ăn sáng."

Ông này vừa nghe đến mấy tiếng "**Đậu Du Bằng**" thì cảm thấy rất quen thuộc. Sực nhớ ba chữ ấy vốn ở trong bài Chú Đại Bi, ông chợt hiểu ra ngay, bèn nói : "Đúng rồi, ông ấy là bạn tôi đây. Chúng tôi có hẹn gặp nhau sáng nay, chốc nữa tôi đến nhà ông ấy ăn sáng.".../.

Thần chú Đại bi hiện đang trì tụng, dù hay thiểu ?

LTS : Chú Đại bi là thần chú quen thuộc, rất phổ biến, được Tăng Ni và Phật tử trì tụng hàng ngày, có mặt hầu hết trong các kinh Nhật tụng và nghi thức tụng niệm. Lâu nay, trong giới Phật giáo, có nhiều ý kiến về việc chú Đại bi bị thiểu năm âm "na ma bà tát đà" và đề nghị Giáo hội bổ sung để cho kinh Nhật tụng được hoàn chỉnh. Mặc dù các nhà nghiên cứu Phật học đã có nhiều cách lý giải khác nhau cho sự "**thiểu, dù**" này. Nay, xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc một nghiên cứu đối chiếu của tác giả **Hạo Nhiên** dưới đây, **khẳng định chú Đại bi không hề bị thiểu**.

Chú Đại bi là một trong những bài thần chú dài, xuất hiện và thịnh hành trong giới Phật giáo Trung Quốc vào các thời Đường, Tống. Ở Việt Nam, ta không biết chú Đại bi được Tăng Ni, Phật tử trì tụng từ thời nào, nhưng phổ biến nhất có lẽ là ở thời cận đại, từ khi có kinh Nhật tụng bằng chữ Quốc ngữ được phát hành rộng rãi.

Chú Đại bi còn có những tên gọi sau : **Thiên thủ thiên nhân quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni, Quảng đại viên mãn đà-la-ni, Vô ngại đại bi đà-la-ni, Cứu khổ đà-la-ni, Diện thọ đà-la-ni, Diệt ác thú đà-la-ni, Phá ác nghiệp chướng đà-la-ni, Mãn nguyện đà-la-ni, Tùy tâm tự tại đà-la-ni, Tốc siêu thập địa đà-la-ni.**

Theo ghi chép trong Kinh tang, bài chú này đã được 99 ức hằng hà sa số chư Phật trong quá khứ tuyên thuyết (đã được chư Phật nhiều bằng sớ cát trong 99 ức con sóng Hằng tuyên thuyết), và Bồ-tát Quán Thế Âm đã thọ trì thần chú này từ nơi **Thiên Quang Vương Tịnh Tru Như Lai**. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm mới ở ngôi Sơ địa, một lần nghe được thần chú này lập tức vượt lên ngôi Bát địa, cho nên Bồ-tát sinh tâm hoan hỷ, phát thệ nguyện phổ biến rộng rãi thần chú này để làm lợi lạc chúng sinh. Lời phát nguyện lập tức ứng nghiệm, ngay trên thân Bồ-tát Quán Thế Âm sinh ra ngàn tay ngàn mắt.

Trong **Đại chính tân tu Đại tang kinh** (ĐTK/ĐCTT), những bản kinh

liên quan đến bài chú này có rất nhiều, ở đây xin liệt kê một số kinh tiêu biểu :

- **Kim cang đinh du-già thiên thủ thiên nhân Quán Tự Tại Bồ-tát tu hành nghi quỹ kinh, 2 quyển, do Bát Không dịch vào đời nhà Đường** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1056).

- **Thiên nhân thiên tí Quán Thế Âm Bồ-tát đà-la-ni thần chú kinh, 2 quyển, do Trí Thông dịch vào đời nhà Đường** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1057).

- **Thiên thủ thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát mu đà-la-ni thân kinh, 1 quyển, do Bồ-dề-lưu-chí (Bodhiruci) dịch vào đời nhà Đường** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1058).

- **Thiên thủ thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni kinh, 1 quyển, do Già-phạm-đạt-ma (Bhagavaddharma) dịch vào đời nhà Đường** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1060).

- **Thiên thủ thiên nhân Quán Tự Tại Bồ-tát quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni chú bản, 1 quyển, do Kim Cang Trí (Vajrabodhi) dịch vào đời nhà Đường** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1061).

- **Thiên thủ thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát đại thân chú bản, 1 quyển, cũng do Kim Cang Trí dịch** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1062).

- **Thiên thủ thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát đại bi tâm đà-la-ni, 1 quyển, do Bát Không (Amoghavajra) dịch vào đời nhà Đường** (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1064).

- Thiên quang nhãnh Quán Tư Tại Bồ-tát bí mật pháp kinh, 1 quyển, do Tô-phuoc-la dịch vào đời nhà Đường (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1065).

- Đại bi tâm đà-la-ni tu hành niệm tung lược nghi, 1 quyển, cũng do Bát Không dịch (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1066).

- Thiên thủ Quán Âm tạo thứ đệ pháp nghi quỹ, 1 quyển, do Thiên Vô Úy (Subhàkarasimha) dịch vào đời nhà Đường (ĐTK/ĐCTT, tập 20, kinh số 1068).

- Thiên thủ nhãnh đại bi tâm chú hành pháp, do Tứ minh Sa-môn Tri Lễ biên tập vào đời nhà Tống (ĐTK/ĐCTT, tập 46, kinh số 1950).

- Đại bi khai thỉnh, Khuyết dịch (ĐTK/ĐCTT, tập 85, kinh số 2843).

Trong những tác phẩm trên, toàn văn bài chú giữa các kinh khác nhau cũng có những sai biệt về số câu và số chữ. Chẳng hạn, bản dịch của **Trí Thông** (Thiên nhãnh thiên tí Quán Thế Âm Bồ-tát đà-la-ni thân chú kinh, quyển Thượng), và bản dịch của **Bồ-dề-lưu-chi** (Thiên thủ thiên nhãnh Quán Thế Âm Bồ-tát mụ đà-la-ni thân kinh) thì toàn văn bài chú Đại bi có **94 câu**. Bản dịch của **Kim Cang Trí** (Thiên thủ thiên nhãnh Quán Tư Tại Bồ-tát quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni chú bản) thì có **113 câu**. Bản dịch của **Bát Không** (Kim cang định du-già thiên thủ thiên nhãnh Quán Tư Tại Bồ-tát tu hành nghi quỹ kinh, quyển Hạ) thì có **84 câu**. Bản dịch của **Già-phạm-dạt-ma** (Thiên thủ thiên nhãnh Quán Thế Âm Bồ-tát quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni kinh) thì có **82 câu...**

Điều quan trọng là, tất cả các bài chú Đại bi trong những bản kinh thuộc Đại tạng Đại chính tán tu, đều không có năm chữ "na ma bà tát đa" (那摩婆薩哆). Do đó, nghi thức tụng niệm lưu hành ở Việt Nam từ trước đến nay đều y cứ vào Đại tạng kinh, nên không có năm chữ này là điều tất nhiên! Thêm nữa, từ trước đến nay, cả hai truyền thống Mật giáo và Hiền giáo, đều sử dụng bản dịch của **Già-phạm-dạt-ma** để trì tụng, mà bản dịch này vốn không có năm âm "na ma bà tát đa"; nguyên bản bài chú này phân chia thành **82 câu**, nhưng sau này phân chia thành **84 câu**.

Gần đây, các nước sử dụng chữ Hán, Mân, Mông, Tạng đều sử dụng bản dịch của **một học giả người Nhật**, mà toàn văn bài chú Đại bi có thêm năm âm "na ma bà tát đa" vốn không có trong bản dịch của hai vị đại sư **Bát Không** và **Già-phạm-dạt-ma**. Bản chữ Phạn cũng được trưng ra để làm



Khóa Tu Học Phật Pháp Âu châu Kỳ 24 tại Birmingham - Anh quốc.
Hình lưu niệm toàn thể, chụp ngày 29/07/2012.

y cứ cho các bản dịch ra chữ Hán, Mân, Mông, Tạng mới.

của **Bát Không** dịch không có năm âm này.

Theo chô chúng tôi tìm kiếm, thì chỉ có **bốn** bản kinh nằm trong **Tục tang kinh chữ Vạn**, liên quan đến chú Đại bi mới có thêm năm âm "na ma bà tát đa", đó là :

- Thiên thủ thiên nhãnh đại bi tâm chú hành pháp, do Tứ minh tôn giả Tri Lễ biên tập nghi quỹ lần đầu, Hoa son Luật sư Độc Thé hiệu đính và Gia hòa Sa-môn Tịch Xiêm thêm vào hình tượng, chú Đại bi có 84 câu, trong đó câu thứ 16 có năm âm "na ma bà tát đa" (Tục tang kinh chữ Vạn, tập 74, kinh số 1480).

- Pháp giới thánh phàm thủy lực thắng hội tu trai nghi quỹ, do Tứ minh Đông Hồ Sa-môn Chí Bát cẩn soạn đời Tống, Sa-môn Châu Hoằng ở chùa Vân Thê, làng Cổ Hàng, hiệu đính vào đời nhà Minh, chú Đại bi có 5 âm "na ma bà tát đa" với lời chú thích Bản tiếng Tây Tang không có 5 âm này (藏本無此五字) (Tục tang kinh chữ Vạn, tập 74, kinh số 1497).

- Pháp giới thánh phàm thủy lực đạo tràng pháp luân bảo hối, chú Đại bi có 82 câu, trong đó câu 16 có năm âm "na ma bà tát đa", nhưng lại để trong ngoặc với lời chú thích là bản lưu truyền ở thế gian có năm âm "na ma bà tát đa" (世本有那摩婆薩哆五字) (Tục tang kinh chữ Vạn, tập 74, kinh số 1499).

- Quán Thế Âm trì nghiệm ký, quyển Hạ, do Thích Tuân Thức, tăng nhân của Thiên Thai tông, thời Bắc Tống biên soạn. Tác phẩm này dân chú Đại bi do Bát Không dịch, có năm âm "na ma bà tát đa", nhưng như chúng ta thấy, trong ĐTK/ĐCTT, tác phẩm

Như vậy, số lượng kinh điển liên quan đến chú Đại bi và có thêm năm âm "na ma bà tát đa" chỉ có trong Tục tang, và đều do những Tăng nhân Trung Quốc biên tập chứ không phải phiên dịch từ bản tiếng Phạn. Cho nên, chúng ta không có bất cứ cơ sở vững chắc nào để khẳng định bài chú Đại bi đầy đủ là phải có năm âm "na ma bà tát đa".

Hạo Nhiên

THỌ BÁT QUAN TRAI

(20 ngày thứ sáu thọ giới, 19g ngày thứ bảy xả giới)

- Mỗi tháng 1 lần **HUÂN TU TỊNH ĐỘ**

(tụng kinh Thủy Sâm...niệm Phật hoặc tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa từ 9h sáng thứ bảy đến 18h chiều)

Chương Trình

Thọ Bát Quan Trai

và Huân Tu Tịnh Độ

=tại **Chùa Khánh Anh**
từ ngày **05/10/12** đến **25/01/13**

Thứ sáu : 05/10/12 Thọ Bát

Thứ bảy : 20/10/12 Huân Tu

Thứ sáu : 02/11/12 Thọ Bát

Thứ bảy : 17/11/12 Huân Tu

Thứ sáu : 30/11/12 Thọ Bát

Thứ bảy : 15/12/12 Huân Tu

Thứ sáu : 28/12/12 Thọ Bát

Thứ bảy : 12/01/13 Huân Tu

Thứ sáu : 25/01/13 Thọ Bát

Tùy theo Phật sự, chương trình có thể thay đổi, xin liên lạc về chùa trước để xác định lại ngày Huân tu hoặc Thọ bát.

Vấn đáp Phật Pháp

Công năng của Thần chú Đại Bi

Hỏi : Tôi hành trì pháp môn Đại bi, niệm thần chú này nhiều lần trong ngày. Xin cho biết khái lược về thần chú Đại Bi, nhất là công năng của thần chú này?

Đáp : Theo Từ điển Phật học Huệ Quang (tập 2, tr.1218), thần chú Đại Bi, Phạn ngữ Mahākārunikacittadharani, Hán dịch Thiên Thủ Thiên Nhãm Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhãm Quán Thế Âm Đại Thần Chú, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đại Bi Tâm Đà La Ni, là thần chú nói về công đức nội chứng của Bồ tát Quán Thế Âm.

Theo kinh Thiên Thủ Thiên Nhãm Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, do ngài Già Phạm Đạt Ma người Tây Thiên Trúc dịch (thời Đường), toàn bài chú này có 84 câu, người trì tụng thần chú Đại Bi sẽ được 15 điều lành, không bị 15 thứ hoạnh tử bức hại.

- Được 15 điều lành :

1. Sinh ra thường được gặp vua hiền,
2. Thường sinh vào nước an ổn,
3. Thường gặp vận may,
4. Thường gặp được bạn tốt,
5. Sáu căn đầy đủ,
6. Tâm đạo thuần thực,
7. Không phạm giới cấm,
8. Bà con hòa thuận thương yêu,
9. Của cải thức ăn thường được sung túc,
10. Thường được người khác cung kính, giúp đỡ,
11. Có của báu không bị cướp đoạt,
12. Cầu gì đều được toại ý,
13. Long, Thiên, thiện thần thường theo hộ vệ,
14. Được gặp Phật nghe pháp,
15. Nghe Chánh pháp ngộ được nghĩa thâm sâu.

- Không bị 15 thứ hoạnh tử :

1. Chết vì đói khát khổn khổ,
2. Chết vì bị gông cùm, giam cầm đánh đập,
3. Chết vì oan gia báo thù,
4. Chết vì chiến trận,
5. Chết vì bị ác thú hổ, lang sói làm hại,
6. Chết vì rắn độc, bò cạp,
7. Chết trôi, chết cháy,
8. Chết vì bị thuốc độc,
9. Chết vì trùng độc làm hại,
10. Chết vì điên loạn mất trí,
11. Chết vì té từ cây cao hoặc rớt xuống vực thẳm,
12. Chết vì người ác trù ém,
13. Chết vì tà thần, ác quỷ làm hại,
14. Chết vì bệnh nặng bức bách,
15. Chết vì tự tử.

Ngoài ra, theo kinh Thiên Nhãm Thiên Tí Quán Thế Âm Bồ Tát Đà

La Ni Thần Chú (quyển thượng), trì tụng chú này 108 biến, tất cả phiền não tội chướng đều được tiêu trừ, thân khẩu ý thanh tịnh.

Thần chú Đại Bi được các tông phái Phật giáo trì niệm rất phổ biến và thịnh hành. Tuy nhiên, thần chú này được các nhà Phật học dịch khác nhau về tên kinh cũng như chương cũ. Đơn cử như bản dịch chú Đại Bi của ngài Bồ Đề Lưu Chi có 94 câu, bản dịch của ngài Kim Cương Trí có 113 câu, bản dịch của ngài Bất Không có 82 câu...

Nghe "tụng kinh, trì chú"

Hỏi : Hàng ngày tôi đều trì chú Đại Bi bằng cách mở máy vi tính, gắn tai để nghe, rồi cầm cuốn kinh để đọc thăm hoặc dò theo. Đôi lúc thì tôi ngồi (hoặc nằm) nghe kinh hoặc nghe niệm Phật cũng từ tai nghe nối với máy vi tính. Xin hỏi như vậy thì có được gọi là trì niệm kinh chú không?

Lại nữa vì ở trong phòng riêng nên tôi không mặc áo tràng, chỉ mặc quần áo ở nhà bình thường. Trì niệm kinh chú theo cách như vậy có mang tội bất kính không?

Đáp : Ứng dụng các phương tiện hiện đại để nghe kinh, niệm Phật và trì chú cũng là một trong những phương cách tu học hay, sáng tạo. Ngày nay, khi mà những loại máy nghe, điện thoại hay máy vi tính có khả năng nghe nhìn nhiều thứ được xem như vật bất ly thân thì việc vận dụng các tiện ích của những phương tiện ấy cho tu học lại càng thuận tiện hơn.

Nói chung nghe kinh, niệm Phật và trì chú hàng ngày từ các phương tiện nghe nhìn hiện đại ở mọi lúc mọi nơi là điều tốt. Đây cũng là một cách gieo trồng những hạt giống thiện lành vào tâm thức, có tác dụng làm cho tâm tư an tịnh và thanh thoát.

Cách nghe kinh, niệm Phật và trì chú này, ở mọi lúc mọi nơi, trong tinh thần phương tiện thì không có gì là bất kính hay phải tội với Tam bảo cả. Tuy nhiên không thể xem đó là một thời khóa công phu tu tập bình thường.

Do vậy ngoài cách nghe kinh chú như từ trước đến nay, bạn cần xây dựng một thời khóa tu tập cố định với một thời điểm và thời lượng nhất định trong ngày, như khoảng 30 phút trước khi đi ngủ chẳng hạn.

Tốt nhất nên ngồi kiết già hay bán già, cũng có thể ngồi bình thường hai chân chấm đất như ngồi ghế. Lưng thẳng, thả lỏng toàn thân, tâm niệm vào kinh chú đang nghe, miệng niệm thầm theo.

Ngay giờ phút ấy, ba nghiệp thân khẩu ý được thâu nhập và trở nên thanh tịnh. Thực tập được như vậy mới có thể tạm gọi là công phu "trì niệm kinh chú". Sau thời gian công phu (30 phút hay nhiều hơn), bạn cần thư giãn toàn thân rồi có thể tùy nghi làm việc hoặc nghỉ ngơi.

Tu niệm đúng Chánh pháp sẽ chuyển hóa nghiệp chướng

Hỏi : Hiện mỗi tối tụng kinh Nhật tụng, lễ Phật xong tôi trì niệm chú Đại Bi 21 biến, niệm danh hiệu A Di Đà Phật 108 lần. Tôi mong muốn được chỉ dẫn thêm để tu niệm đúng Chánh pháp nhằm vượt qua nghiệp chướng và khổ nạn của bản thân.

Đáp : Dựa theo kinh Nhật tụng để hành trì hàng ngày, có thể nói là bạn đã tu tập đúng Chánh pháp rồi.

Trong quá trình tụng kinh, niệm Phật bạn phải phát khởi tâm nguyện chí thành, tha thiết, giữ ba nghiệp thân khẩu và ý trang nghiêm thanh tịnh. Sau mỗi thời khóa, bạn sẽ cảm nhận được sự gia hộ của Tam bảo, lòng tin Phật pháp của bạn kiên cố bất động, thân tâm thanh thoát và nhẹ nhàng hơn. Bạn nên niệm danh hiệu Phật A Di Đà mọi lúc mọi nơi trong đời sống hàng ngày, giữ tâm chánh niệm với hòng danh Phật và lập thệ nguyện vãng sanh Cực lạc.

Để vượt qua nghiệp chướng và khổ nạn của bản thân trong hiện tại, bạn cần phải nỗ lực tu tập thật nhiều, nhất là siêng năng lễ Phật sám hối để diệt tiêu tội chướng, tăng trưởng phước đức. Hắn bạn biết câu kinh: "Tôi từ tâm khởi đem tâm sám/Tâm được tịnh rồi tội liền tiêu". Cho nên, sự tu niệm hàng ngày phải hướng đến để thành tựu tịnh tâm, nhất tâm.

Trong sự bình yên và tĩnh lặng của thân tâm, tuệ giác phát khởi và bạn sẽ có một quan kiến mới lạc quan hơn về cuộc sống. Một người tu có thể không làm thay đổi một số khuyết tật của thân thể (vì nghiệp đã định hình-trở quả trong hiện tại) nhưng hoàn toàn có thể thay đổi nhận thức về cuộc sống cũng như những mạc cảm tự ti về khiếm khuyết và khổ đau của bản thân mình.

Với tuệ giác là hoa trái của chánh niệm, của công phu tu tập, bạn sẽ dễ dàng chấp nhận hoàn cảnh hiện tại vì đó là nghiệp của chính mình. Không oán thán, trách móc ai cả mà ngược lại biết chấp nhận và nỗ lực tu học để chuyển hóa. Nghiệp do mình tạo ra thì cũng do chính mình chuyển hóa để thăng hoa. Không ai có thể làm thay việc đó cho mình, ngoại trừ sự cố gắng của chính mình.

Bồ tát Chuẩn Đề

Hỏi : Chúng tôi là Phật tử, từ trước đến nay thờ phụng Bồ tát Quán Âm với niềm kính tín sâu sắc. Vừa rồi, chúng tôi được biết về Bồ tát Chuẩn-đè (còn gọi Phật Mẫu Chuẩn-đè), với những hình tượng gần giống với Bồ tát Quán Âm (tượng nhiều tay). Có người nói rằng Phật Mẫu Chuẩn-đè chính là một hóa thân của Bồ tát Quán Âm, điều ấy có đúng không?

Phật Mẫu nghĩa là gì? Có liên hệ gì với tín ngưỡng Địa Mẫu trong dân gian không?

Đáp : Theo Từ điển Phật học Huệ Quang (tập I, tr.962), Chuẩn-đè, Phạn ngữ Cundi, Hán ngữ phiên âm là Chuẩn-chi, Chuẩn-nê, gọi đủ là Chuẩn-đè Quan Âm, Chuẩn-đè Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn-đè hay Thất-câu-chi Phật Mẫu. Chuẩn-đè có nghĩa là thanh tịnh.

Mật tông rất tôn sùng Chuẩn-đè, xếp ngài vào một tôn vị trong Quán Âm bộ. Theo phái Đông Mật của Phật giáo Nhật Bản thì Chuẩn-đè là một trong 6 danh hiệu của Quán Âm, thuộc Liên Hoa bộ. Sáu danh hiệu này là : 1. Thiên Thủ Quán Âm; 2. Thánh Quán Âm; 3. Mã Đầu Quán Âm; 4. Thập Nhát Diện Quán Âm; 5. Chuẩn-đè Quán Âm; 6. Như Ý Luân Quán Âm. Như vậy, Chuẩn-đè hay Chuẩn-đè Quan Âm chính là một trong những danh hiệu của Bồ tát Quán Âm.

Tuy vậy, phái Thai Mật của Phật giáo Nhật Bản lại xếp Chuẩn-đè vào một tôn vị trong Phật bộ, gọi là Phật Mẫu.

Theo kinh Thất-câu-chi Phật Mẫu sở thuyết Chuẩn-đè Đà-la-ni thì thân Bồ tát Chuẩn-đè thân màu vàng nhạt, ngồi kiết già trên đài sen, có hào quang tỏa sáng xung quanh. Bồ tát mặc thiên y hoặc lụa trắng mỏng, trên đầu đội mũ ngọc anh lạc, có 3 mắt. Đặc biệt 18 cánh tay đều đeo vòng xuyến. Hai tay trên cùng bắt ấn Thuyết pháp. Các tay còn lại, bên phải: Tay thứ hai kiết ấn Thí vô úy, tay thứ ba cầm kiếm, tay thứ tư cầm



Hình lưu niệm Chủ Tôn Đức Tăng Ni về tham dự Lễ Khánh Thành Tu Viện Viên Quang ngày 04/07/2012 tại South Carolina - Hoa Kỳ.

tràng hoa báu, trên lòng bàn tay thứ năm để trái câu duyên, tay thứ sáu cầm búa, tay thứ bảy cầm móc, tay thứ tám cầm chày kim cang, tay thứ chín cầm chuỗi hạt; Bên trái: Tay thứ hai cầm cây phướn báu như ý, tay thứ ba cầm hoa sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm cái bình, tay thứ năm cầm dài lụa, tay thứ sáu cầm bánh xe pháp, tay thứ bảy cầm vỏ ốc, tay thứ tám cầm hiền bình, trên lòng bàn tay thứ chín để hộp kinh Bát Nhã chữ Phạn.

Ngoài ra, còn có tượng Bồ tát Chuẩn-đè 16 tay, 6 tay, 4 tay theo các truyền thống Phật giáo Tây Tạng, Tích Lan. Bồ-tát Chuẩn-đè chuyên hộ trì Phật pháp và bảo hộ những chúng sinh tránh các tai ương, nếu có bệnh tật hoặc mạng sống ngắn ngủi thì được thọ mạng lâu dài.

Tu tập theo pháp môn tu hành của vị Bồ-tát này là trì tụng thần chú: "Nam mô tát đa nǎm, tam miệu tam bồ đà câu chi nǎm, đát diệt tha. Án, chiết lệ chủ lệ Chuẩn-đè, ta bà ha". Nếu ai chí thành trì tụng thần chú trên thì sẽ tiêu trừ tai họa, dứt hết bệnh tật, đạt được thông minh, tiêu tan tội chướng, thọ mạng lâu dài, tăng trưởng phước đức đồng thời được chư Phật, Bồ-tát gia bị, đời đời kiếp kiếp xa lìa ác thú, mau chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Phật Mẫu là một thuật ngữ quan trọng trong giáo điểm Phật giáo, bao gồm bốn nghĩa như sau : 1- Chỉ cho Ma-da phu nhân thân mẫu của Phật, hoặc chỉ cho Ma-ha-ba-xà-ba-dé di mẫu của Phật. 2- Chỉ cho Bát-nhã Ba-la-mật. Vì Bát-nhã (trí tuệ) có năng lực sinh ra tất cả chư Phật. 3- Chỉ cho Pháp. Vì chư Phật lấy pháp làm thầy, do pháp mà

thành Phật, cho nên gọi pháp là Phật mẫu, mẹ của chư Phật. 4- Chỉ cho Phật nhân tôn. Theo Mật giáo, Bát-nhã Ba-la-mật là pháp có công năng sinh ra các vị Phật, Bồ-tát đồng thời đem đến cho chư Phật nhất thiết trí, có tác dụng thị hiện tướng thế gian. Pháp Bát-nhã này được thân cách hóa gọi là Phật mẫu hay Phật nhân tôn, mẹ của hai bộ Kim cương giới và Thai tạng giới (Sđd, tr.3640-3641).

Còn tín ngưỡng Địa Mẫu (Mẫu, Thánh Mẫu...) là tín ngưỡng dân gian, không có bất cứ liên hệ gì đến Phật Mẫu Chuẩn-đè hay Bồ tát Chuẩn-đè của Phật giáo cả.

Tòng Cố

Cảm Tạ

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Tang quyến chúng con / chúng tôi thành tâm cảm tạ và tri ân : Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chư Tăng Ni chùa Khánh Anh, GDPT Quảng Đức và Quý thân hữu xa gần. Đã tận tình tụng niệm cầu siêu, gợi điện thoại, gửi mail chia buồn... giúp đỡ cùng dù tang lễ và tiễn đưa linh cữu

Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi là:

Bà Lâm thị Hồng Đào

Pháp danh : **Nguyễn Hoa**

**Đã mệnh chung vào ngày 16/08/2012
Nhằm ngày 29 tháng 6 năm Nhâm Thìn
hưởng thọ 88 tuổi**

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính xin Chư Tôn Thiền Đức và quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia thành kính tri ân và kính bái : **Gia đình Nguyễn Khai - Phan Đình Trường và các con, cháu, chắt.**

Ý Nghĩa và Công Dụng những Thần Chú

Sưu tập trong **Nhị Khoa Hiệp Giải** của **Hoà Thượng Thích Khánh Anh** dịch
và trong **Bạch Y Thần Chú** của **Đường Sáng Án Quán** số 712N. 9th St, San Jose, CA 95112 ấn hành.

Những người hành trì Kinh Đại Thừa Phật Giáo đều có tụng các Thần Chú trong các thời khoá nhằm mục đích tiêu trừ nghiệp chướng oan khiên, thêm được phước lành tăng trưởng. Ý nghĩa chữ **Thần Chú** như trước đã giải thích là **lời nói bí mật của chư Phật** (*Mật ngôn hay Phật ngôn*), lời nói đặc biệt này chỉ có các đức Phật trong mười phương nghe biết mà nó không phải là thứ ngôn ngữ thường tình của các chúng sanh trong ba cõi sử dụng, cho nên những thứ ngôn ngữ này người phàm phu không thể nào hiểu rõ. Những ai muốn chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương gia hộ những khổ đau của cuộc đời chỉ cần hành trì Thần Chú được chỉ dẫn sẽ được linh ứng theo sở cầu.

Thần Chú của Mật Tông có nhiều loại và mỗi loại có công dụng riêng, nhưng các Thiền Gia trong các Thiền Môn chỉ chọn khoảng một số Thần Chú để sử dụng trong các buổi lễ như Cầu An, Cầu Siêu, Sám Hối, v.v... gồm có **Thần Chú Lăng Nghiêm**, **Thần Chú Đại Bi** và mười Thần Chú khác gọi là **Thập Chú**. Ý Nghĩa và công dụng các Thần Chú nói trên được giải thích như sau :

1)- Chú Lăng Nghiêm :

Công dụng của Thần Chú Lăng Nghiêm, theo Triết Lý Đạo Phật hay Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm trong Phật Học Phổ Thông Khoá VI và VII của Hoà Thượng Thích Thiện Hoa, trang 255 và 266 đức Phật nói : "Nếu người nào nghiệp chướng nặng nề không thể trừ được, ông (chỉ ông A Nan) nên dạy họ chí tâm trì chú Lăng-Nghiêm này thì các nghiệp chướng đều tiêu diệt" và đức Phật nói tiếp : "Sau khi ta diệt độ các chúng sanh đời sau, nếu có người trì tụng chú này thì các tai nạn: thủy tai, hoả hoạn, thuốc độc, độc trùng, ác thú, yêu tinh, quỷ quái, v.v... đều chẳng hại được".

Chúng ta muốn đạt thành những ý nguyện cho cuộc sống được an lạc và thành quả trên con đường giác ngộ giải thoát thì phải chuyên cần hành trì thâm nhập Chú Lăng Nghiêm này để nhờ thần lực chuyển hoá. Điều đó chính đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Nghiêm : "Ma Đăng Già là kẻ dám nử, không có tâm tu hành còn được thành quả Thánh, huống chi các ông là bậc Thanh văn, có chí cầu đạo vô thượng, lại trì tụng chú này, thì

quyết định thành Phật rất dễ, cũng như thâu gió tung bụi, chẳng có khó gì."

2)- Chú Đại Bi :

Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhã Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni giải thích : "Hồi đời quá khứ vô lượng úc kiếp, có đức Phật Thiên Quang Vương Tịnh Trụ ra đời vì ngài Quán Thế Âm mà nói ra chú Đại Bi này. Lúc đó Ngài mới trụ bức Sơ Địa, sau khi nghe chú này rồi thì siêu chứng lên bậc Bát Địa liền, Ngài thấy hiệu nghiệm như vậy liền phát đại nguyện rằng: "Nếu qua đời vị lai có thể đem thân chú này ra làm lợi ích cho chúng sanh thì cho thân Ngài sanh ra ngàn cái tai ngàn con mắt," v.v...

Ngài nguyện vừa xong thì quả nhiên tay mắt đều đầy đủ tất cả và lại được chư Phật Phóng quang soi đến thân Ngài, đồng thời soi khắp vô biên thế giới. Khi ấy Ngài lại phát nguyện nữa rằng : "Người nào nếu trì tụng chú này mỗi đêm 5 biến thi đặng tiêu hết những tội nặng sanh tử trong trăm ngàn vạn úc kiếp, đến lúc mạng chung thì có tháp phương chư Phật hiện thân tiếp dẫn về cõi Tịnh Độ. Bằng như người nào trì tụng chú này mà sau còn dọa vào ba đường ác và chẳng dặng sanh về cõi Phật hay chẳng dặng những pháp Tam Muội, chẳng biện tài, sở cầu không toại chí, nếu có mấy sự áy, thì chú này không được xung là Đại Bi Tâm Đà La Ni". Chỉ trừ những người tâm không thiện, chí không thành và lòng hay nghi thì không thấy hiệu nghiệm được liền mà thôi.

Theo Nhị Khoa Hiệp Giải của Hoà Thượng Thích Khánh Anh, trang 74 giải thích : "Thuo ấy, đức Quán Thế Âm rất kín nhiệm phóng ra hào quang lớn chiếu cả mười phương các cõi nước đều rực rỡ thành màu vàng ròng; rồi chấp tay bạch Phật rằng: Tôi có thần chú.... Đại Bi tâm Đà La Ni, nay tôi muốn nói ra để cho các chúng sanh đều đặng an lạc, vì nó có hiệu lực : tiêu trừ bệnh hoạn, tuổi sống lâu dài, thêm điều lành, dứt hết các tội, được toại tâm với sự mong cầu, nên được Phật hứa cho thuyết chú."

Đây là những sự linh ứng và diệu dụng của Thần Chú Đại Bi.

3)- Chú Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni :

Theo Như Ý Tâm Đà La Ni: Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại vì muốn cho chúng sanh tùy ý sở cầu cái gì cũng

được như nguyện nên Ngài bạch với Phật xin Ngài thuyết chú này. Những người trì tụng mà rõ được nghĩa thâm mật của chú này thì cái thắng lợi ấy cũng thí như cây như ý sanh ra những ngọc bảo châu như ý, tuỳ nguyện muốn cầu việc gì cũng được.

Lúc Bồ Tát thuyết chú này rồi, sáu chướng chấn động, cung điện của Ma Vương đều nổi lửa cháy sơ hải không cùng, các loài độc ác chúng sanh đều lăn nhào té ngã, còn những kẻ thọ khổ trong địa ngục và ngạ quỷ thì đều đặng sanh về cõi Trời.

Người nào nhứt tâm trì tụng chú này thì các thứ tai nạn đều được tiêu trừ mà đến lúc lâm chung lại được thấy đức Phật A Di Đà và Ngài Quán Thế Âm tiếp dẫn về cõi Tịnh Độ.

4)- Thần Chú Tiêu Tai Cát Tường :

Theo Kinh Tiêu tai Cát Tường : "Khi Phật ở tại từng trời Tịnh Cư nói với các thiên chúng cùng các vị quản lý 28 ngôi sao và 12 cung thần rằng : "Có chú Xí Thanh Quảng Đại Oai Đức Đà La Ni" của Phật Ta La Vương đã nói hồi trước. Ta nay thuyết ra đây là pháp để trừ những tai nạn. Nếu trong Đế đô quốc giới có các vị đặc trách sao yêu tinh đến làm những điều chướng nạn, hay những vị đặc trách sao quan hệ bốn mang của nhân loại có gì bất thường phải lập đạo tràng, rồi khắc ký mà niệm chú này 108 biến thì tai chướng tức thời trừ diệt hết."

5)- Thần Chú Công Đức Bảo Sơn :

Theo Viên Nhơn Vãng Sanh có dẫn chứng Kinh Đại Tập nói rằng : "Nếu người tụng chú này một biến thì công đức cũng như lễ Kinh Đại Phật Danh bốn vạn năm ngàn bốn trăm biến (45.400), còn như phạm tội nặng đang dọa vào địa ngục A Tì mà nhứt tâm trì tụng chú này thì trong lúc mạng chung chắc chắn sanh về bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh bén cõi Tịnh Độ mà đặng thấy Phật A Di Đà."

6)- Thần Chú Phật Mẫu Chuẩn Đề :

Câu chú này trích trong Kinh Chuẩn Đề. Bốn câu kệ đầu là : "Khé thủ quy y Tô tất Đế," v.v... cho đến "Duy nguyện từ bi thùy gia hộ" là của Ngài Long Thọ Bồ Tát. Trong bốn câu kệ :

* **Câu đầu là nói về Pháp Bảo :** câu hai là nói về Phật Bảo; câu thứ ba là nói về Tăng Bảo; câu thứ tư là nói mình xin nhờ ơn sự gia hộ của Tam Bảo.

* **Khể thủ quy y Tô Tát Đề :** nghĩa là cùi đầu quy kính Pháp Viên Thành (*pháp nhiệm mâu*). Chữ Tô Tát Đề : nguyên tiếng Phạn là *Susidhi*, Tàu dịch là *Diệu Thành Tựu*, nghĩa là một pháp có năng lực thành tựu được hết thảy sự lý và thành tựu đặng hết thảy tâm nguyện của chúng sanh rất mâu nhiệm.

* **Đầu diện đánh lê Thất Cu Chi** (*cu đê*) : nghĩa là thành tâm đánh lê bảy trăm ức Phật. Chữ "*Cu Chi*" hay là "*Cu Đề*", nguyên tiếng Phạn là "*Koti*", Tàu dịch là *bách ức*, nghĩa là trăm ức; cho nên trên đây nói "*thất cu chi*" tức là số bảy trăm ức vậy.

* **Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề :** nghĩa là con nay xưng tán đức Đại Chuẩn Đề. Chữ "*Chuẩn Đề*", nguyên tiếng Phạn là "*Candi*", Tàu dịch có hai nghĩa : 1) *Thi Vi*, 2) *Thành Tựu*.

Thi Vi : nghĩa là lời nguyện rộng lớn đúng nơi lý và dùng đại trí để dứt vọng hoặc, vì đủ các nhơn hạnh để ra làm việc lợi tha cho chúng sanh, nên gọi là *Thi Vi*.

Thành Tựu : nghĩa là từ noi pháp không mà hiện ra pháp giả rồi thành tựu đặng pháp tịch diệt.

Sở dĩ Chú này xưng là "*Phật Mẫu Chuẩn Đề*" là nói : Pháp là thầy và thiêt trí, là mẹ của chư Phật, cho nên bảy trăm ức Phật đều dùng pháp "*Chuẩn Đề Tam Muội*" mà chứng đạo Bồ Đề.

Trong kinh Chuẩn Đề nói rằng : Khi Phật ở vườn Kỳ Đà vì có tú chúng bát bộ đồng đủ, Ngài nghĩ thương những chúng sanh đời mạt pháp sau này, tội dày phước mỏng, nên mới nhập "*Chuẩn Đề Định*" mà thuyết thần chú như vầy:

Nam Mô Tát Đa Nám, Tam Miêu Tam Bồ Đề, Cu Chi Nám, Đát Diệt Tha, Án, Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề, Ta bà Ha.

Phật nói : Nếu trì chú này mãn chín mươi vạn (900.000) biến thì diệt trừ được các tội thập ác, ngũ nghịch và tứ trọng; cho đến nhà thế tục chẳng luận tịnh hay uế, chỉ cần chí tâm trì tụng, liền được tiêu trừ tai nạn bệnh hoạn, tăng trưởng phuộc tho. Khi tụng mãn 49 ngày, Bồ Tát Chuẩn Đề khiến hai vị Thánh thường theo người ấy hộ trì.

Nếu có người hoặc cầu mở trí tuệ, hoặc cầu chống tai nạn, hoặc cầu pháp thân thông, hoặc cầu đao Chánh Giác, chỉ y theo pháp thiết lập đàn tràng, tụng đủ một trăm vạn (1.000.000) biến thì đặng đi khắp mươi phương Tịnh Độ, phụng thờ chư Phật, nghe cả diệu pháp mà được chứng quả Bồ Đề.

7)- Thần Chú Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni :

Chú này trích trong Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni. Kinh ấy nói : "*Đức Thích Ca Thế Tôn nghĩ thương chúng sanh doan mang trong đời vi lai, muôn cho thêm được họ số, hưởng được hạnh phúc,*

nên Phật nói với Đại Trí Huệ Diệu Cát Tường Bồ Tát rằng: những nhơn loại ở trong cõi Diêm Phù Đề này thọ mang chỉ dặng trăm tuổi, mà ở trong số đó lại có phần đông người tạo lầm điều ác nghiệp nên bị tổn đức giảm kỷ thác yếu chết non. Nếu như nhơn loại thấy đăng chú này, hoặc biện chép, hoặc án tống, hoặc thọ tri đọc tụng thì lai tăng thọ mạng sống ngoài trăm tuổi và qua đời sau mau chứng quả Bồ Đề."

8)- Thần Chú Dược Sư Quán Đánh Chơn Ngôn :

Thần chú này được trích ra từ noi Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức. Theo như trong kinh, đức Thích Ca Như Lai nói nếu có chứng bệnh gì mà cứ nhút tâm trì chú này trong nước tịnh thủy đủ 108 biến rồi uống vào thì các bệnh đều lành.

Còn như những người mà trọn đời thọ trì chú này thì đặng khỏi bệnh tật và được sống lâu, đến lúc mạng chung lại được sanh về cõi Tịnh Lưu Ly. Nhưng phải biết rằng : chú này được gọi là "*Quán Đánh*" là nói chú này do nơi đánh quang của Phật mà thayết ra. Người nào nếu thọ trì đọc tụng chú này mà đặng thanh tịnh ba nghiệp (*thân, miệng, ý*) thì hào quang Phật chiếu ngay đến nơi đánh môn của người trì tụng ấy một cách mát mẻ như rưới nước cam lồ vậy.

Nên biết ánh quang của Phật khác hơn ánh quang của ma, nguyên vì ánh quang của ma thì chói loà khiến cho người ta sợ hãi, còn ánh quang của Phật thì mát mẻ và làm cho ta vui mừng. Vậy ai là người thọ trì chú này hoặc niệm Phật cần phải phân biệt rõ hai cái ánh quang nói trên. Chớ đừng thấy ánh quang của ma lập lòe trước mắt như ngoại đạo nhìn nến, như kẻ nhìn nhang kia mà nhận làm cho là thấy tánh.

9)- Thần Chú Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn :

Đức Quán Thế Âm có lòng Đại Bi rất tha thiết, bi nguyện của Bồ Tát rất thâm sâu, công đức độ sanh của Bồ Tát lan rộng khắp mươi phương. Người nào thành tâm trì tụng chú này thì liền được lòng Đại Bi của Bồ Tát chắc chắn ủng hộ.

10)- Thần Chú Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn :

Chú này được trích ra từ trong kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni. Kinh này nói : "*Ngài Văn Thủ Sư Lợi*



nghĩ thương về sau đến đời mat pháp các chúng Tỳ Kheo phạm tội Tú Trọng và các chúng Tỳ Kheo Ni phạm tội Bát Trong thì làm sao mà sám hối dặng, nên mới cầu Phật chỉ rõ phương pháp. Lúc ấy Đức Thích Ca Như Lai mới thuyết ra chú này; vì chú này là chú của bảy vị Phật đời trước thường nói, rất có oai lực làm diệt hết các tội Tú Trọng, Ngũ Nghịch mà dặng phước vô lượng".

Tú Trọng, Ngũ Nghịch là tội rất nặng, nếu không phải cách sám hối vô sanh thì tưởng không thể nào tiêu diệt cho dặng. Nhưng vì thần chú này là bảy vị Phật đời trước xứng tánh thuyết ra, cho nên những người trì tụng niệm niệm cũng phải xứng tánh để dặng lý vô sanh thì tất cả tội chướng thay đều tiêu diệt, cũng như nước sôi đổ vào tuyêt thì tuyêt liền bị tan biến ngay lập tức.

11)- Thần Chú Vãng Sanh Tịnh Độ :

Thần chú này được trích từ trong kinh **Bát Nhứt Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni**. Thần chú này có công dụng diệt được các trọng tội như : tội Tú Trọng, Ngũ Nghịch, Thập Ác, Hủy Báng Chánh Pháp. Người nào nếu y pháp mà chí tâm trì tụng chú này thì Đức Phật A Di Đà thường trú ở noi đảnh đâu người ấy luôn cả ngày đêm mà ủng hộ, không cho oan gia thừa tiện nhiễu hại, trong lúc hiện thế dặng an ổn và đến khi mạng chung được vãng sanh Tịnh Độ.

Cách thức hành trì, Trước khi trì tụng chú này, hành giả phải tắm rửa, súc miệng cho sạch sẽ, ngày đêm sáu

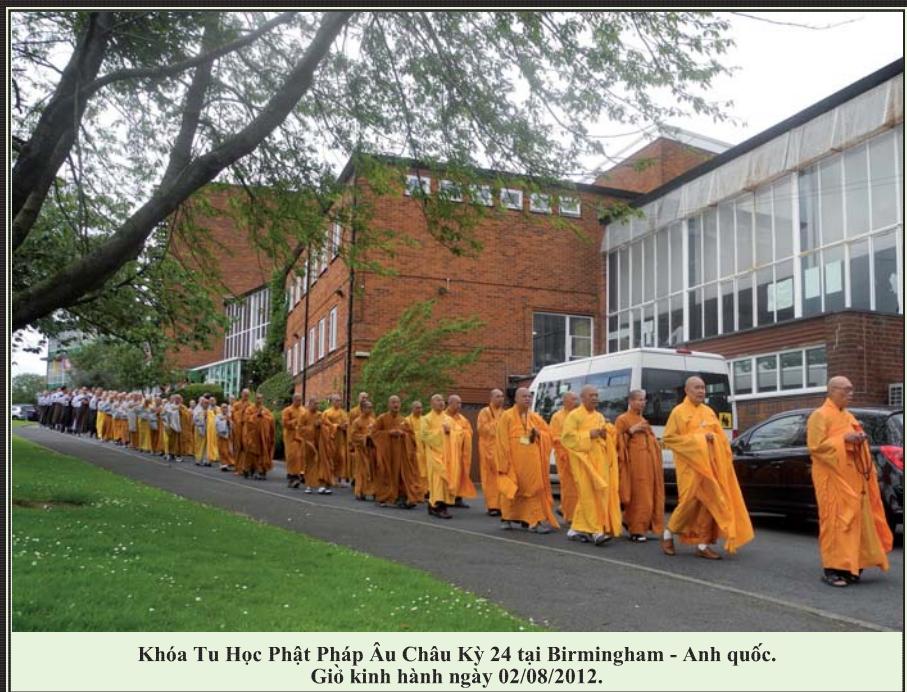
thời, thắp hương lě Phật, quì gối trước bàn thờ, chấp tay cung kính trì tụng mỗi thời tối thiểu 21 biến thì được linh ứng và hoặc trì tụng được ba vạn (300.000) biến thì được thấy dặng Phật A Di Đà thọ ký.

12)- Thần Chú Thiện Thiên Nữ :

Thần chú này được trích từ trong kinh **Kim Quang Minh**. Trong kinh Kim Quang Minh nói rằng : "Nếu chúng sanh nghe chú này mà một lòng thọ trì đọc tụng hương hoa cúng dường thì những thứ thọ dụng như vàng, bạc, châu báu, trầu dê, lúa thóc đều dặng đầy đủ hết thảy".

VI.- TỔNG KẾT :

Nên để ý các Kinh Chú của Phật để lai trong Đại Tạng thì rất nhiều, đa dạng theo mỗi vị Phật trình bày mỗi cách qua kinh nghiệm tu tập của mình. Các Thiền gia thời xưa qua kinh nghiệm của họ rút ra trong Đại tạng một số Kinh Chú theo nhu cầu phổ thông chẳng những cho quần chúng mà cho cả người xuất gia trong thời mạt pháp nghiệp trọng phước khinh ma cường pháp nhược này. Những Kinh Chú mà các Thiền gia chọn ra để trì tụng là của những vị Phật, những vị Bồ Tát rất quan hệ với các chúng sanh nơi cõi Ta bà ngũ trược ác thế này. Còn các Kinh Chú khác của các vị Phật hay của các vị Bồ Tát khác chỉ quan hệ nhiều với các chúng sanh trong các cõi khác không có ngũ trược ác thế như cõi Ta Bà này. Những Kinh Chú mà các Thiền gia chọn ra để hành trì có những mục đích như sau :



1)- Những Kinh Tụng neu trên ngoài sự Tu Huệ của hành giả và còn nhờ sự gia hộ của chư Phật, chư Bồ Tát quan hệ giúp hành giả sớm hoàn thành hạnh nguyện đạt đạo.

2)- Còn các Kinh khác nhằm tu tập bao gồm Văn Huệ, Tư Huệ và Tu Huệ trong lãnh vực tự độ và tự giác mà không cần sự gia hộ của chư Phật, chư Bồ Tát quan hệ, được gọi là tự lực cánh sinh.

3)- Các Thần Chú neu trên mà các Thiền gia chọn lựa được rút ra trong các Kinh Tạng của chư Phật chỉ dạy để các hành giả hành trì ngõ hầu đạt được ý nguyện mà không bị phán tâm, không bị loạn tưởng, không bị tẩu hoả nhập ma.

4)- Còn các Thần Chú khác một số không thấy trong các Kinh Phật mà chỉ thấy trong Mật Tông nếu như hành trì mà thiếu sự hướng dẫn chọn truyền qua sự kinh nghiệm của những người đi trước thì sẽ bị nguy hiểm phán tâm, loạn tưởng, tẩu hoả nhập ma.

Các Thiền gia Việt Nam cũng chọn những Kinh những Chú đã được liệt kê ở trước ngoài những mục đích và ý nghĩa vừa trình bày còn có mục đích khác là thể hiện văn hoá Phật Giáo Việt Nam mà các Thiền gia Việt Nam đem sự đạt đạo xây dựng quốc gia. Nhìn theo Văn Hoá Phật Giáo Việt Nam, Nhị Thời Khoá Tụng mà các Thiền gia Việt Nam thường sử dụng trong khoá lě hàng ngày dành cho các Thiền sinh hành trì, ngoài sự tu tập để chứng đắc và còn tiêu biểu cho ba hệ phái Thiền đã từng đóng góp xây dựng quốc gia Việt Nam trên lãnh vực văn hoá trải dài hơn 2000 năm lịch sử. Điều đó được thấy như :

a)- Thiền phái Vô Ngôn Thông, Thiền phái Trúc Lâm Tam Tổ đã từng đóng góp xây dựng cho quốc gia Việt Nam trên lãnh vực thuỷ thiền tập.

b)- Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã từng đóng góp xây dựng cho quốc gia Việt Nam trên lãnh vực Thiền Mật Tông Hợp.

c)- Thiền Phái Thảo Đường đã từng đóng góp xây dựng quốc gia Việt Nam trên lãnh vực Thiền Thi Ca và Nghệ Thuật.

d)- Thiền phái Liễu Quán đã từng đóng góp xây dựng quốc gia Việt Nam trên lãnh vực Thiền Tịnh Song Tu.

Từ những ý nghĩa và giá trị này, chúng ta là người Việt Nam không nên xem thường Nhị Thời Khoá Tụng mà Thiền gia Việt Nam đã chọn và cũng chứng minh rằng các Thiền gia Việt Nam nhờ Nhị Thời Khoá Tụng này được chứng đắc, cho nên mới để lại cho hậu thế hành trì./.